

**KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH ĐĂNG KÝ LIÊN THÔNG
TẬP CAO ĐẲNG THÁNG 10 - 2011**

TT	SBD	Ngành	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	ĐT	KV	CSN	CN	Điểm cấp	Tổng điểm	Tổng điểm (đã làm tròn)
1	C005	CNTT	Hoàng Tuấn Anh	17-11-1989	Hà Nội		2	8.25	8.25	0.50	17.00	17.00
2	C006	CNTT	Phạm Thị Anh	06-05-1989	Hải Phòng		2NT	6.00	8.00	1.00	15.00	15.00
3	C007	CNTT	Trần Tuấn Anh	06-05-1989	Hà Nội		2NT		Không đủ thi			
4	C008	CNTT	Vũ Tuấn Anh	11-08-1989	Hải Phòng		2	8.25	9.25	0.50	18.00	18.00
5	C009	CNTT	Nguyễn Thị Bách	10-11-1990	Hải Phòng		2NT	8.25	8.00	1.00	17.25	17.50
6	C010	CNTT	Nguyễn Đức Bình	30-06-1989	Hà Nội		2NT	7.25	7.00	1.00	15.25	15.50
7	C011	CNTT	Vũ Văn Canh	04-09-1987	Hà Nội		2NT	7.25	7.00	1.00	15.25	15.50
8	C012	CNTT	Lê Xuân Chiên	16-10-1987	Hà Nội		2NT	7.25	7.75	1.00	16.00	16.00
9	C013	CNTT	Nguyễn Thành Công	02-04-1990	Nam Định		2NT	6.75	7.25	1.00	15.00	15.00
10	C014	CNTT	Phạm Văn Công	26-09-1989	Hải Phòng		2NT	7.25	7.75	1.00	16.00	16.00
11	C015	CNTT	Nguyễn Hữu Cường	22-05-1989	Hà Nội		2	7.25	8.25	0.50	16.00	16.00
12	C016	CNTT	Vũ Thị Dân	04-08-1990	Hà Nội		2NT	8.00	8.00	1.00	17.00	17.00
13	C017	CNTT	Nguyễn Thị Hồng Nhung	14-01-1989	Hải Phòng		2NT	7.00	8.25	1.00	16.25	16.50
14	C018	CNTT	Phạm Thị Diệu	15-12-1990	Hải Phòng		2NT		Không đủ thi			
15	C019	CNTT	Nguyễn Thị Dung	03-03-1990	Hà Nội		2NT	6.00	5.00	1.00	12.00	12.00
16	C020	CNTT	Đào Văn Dũng	15-11-1986	Hà Nội		2NT		Không đủ thi			
17	C021	CNTT	Bùi Thị Thùy Dung	31-12-1990	Hà Nội	06	2NT	6.75	7.75	2.00	16.50	16.50
18	C022	CNTT	Nguyễn Thái Dũng	11-12-1990	Hà Nội		2NT	6.50	7.00	1.00	14.50	14.50
19	C023	CNTT	Trần Văn Dũng	18-11-1988	Hà Nội		2NT	6.25	6.25	1.00	13.50	13.50
20	C024	CNTT	Đặng Đình Dũng	21-04-1990	Hà Nội		2NT	7.25	8.25	1.00	16.50	16.50
21	C025	CNTT	Lê Thị Diệu	06-11-1988	Hà Nội		2NT		Không đủ thi			
22	C026	CNTT	Vũ Việt Đức	30-10-1988	Hải Phòng		2	7.75	8.75	0.50	17.00	17.00
23	C027	CNTT	Lưu Quang Giáp	02-02-1989	Hà Nội		2NT	6.75	6.75	1.00	14.50	14.50
24	C028	CNTT	Nguyễn Chí Hải	23-09-1990	Hải Phòng	06	1	7.25	8.25	2.50	18.00	18.00
25	C029	CNTT	Hoàng Thị Hạnh	17-07-1990	Hà Nội		2	7.50	6.00	0.50	14.00	14.00
26	C030	CNTT	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	05-10-1990	Thanh Hóa		2NT	7.00	7.50	1.00	15.50	15.50
27	C031	CNTT	Nguyễn Thị Thu Hiền	10-08-1990	Hải Phòng		2NT		Không đủ thi			
28	C032	CNTT	Nguyễn Đình Hiền	02-12-1990	Lai Châu		1	7.25	8.25	1.50	17.00	17.00
29	C033	CNTT	Bùi Thị Quỳnh Hoa	09-01-1990	Hà Nội		2NT	7.25	6.00	1.00	14.25	14.50
30	C034	CNTT	Nguyễn Thị Hoa	02-02-1990	Hải Phòng		1	7.25	7.00	1.50	15.75	16.00
31	C035	CNTT	Trần Thị Thanh Hoa	17-10-1990	Hà Nội		2	6.75	7.50	0.50	14.75	15.00
32	C036	CNTT	Nhị Văn Hoàn	22-01-1988	Hải Phòng		2NT	4.25	6.25	1.00	11.50	11.50
33	C037	CNTT	Hoàng Thị Hoàn	20-01-1990	Hà Nội		2NT	6.75	7.00	1.00	14.75	15.00

TT	SBD	Ngành	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	ĐT	KV	CSN	CN	Điểm cấp	Tổng điểm	Tổng điểm (đã làm tròn)
34	C038	CNTT	Vũ Tân Hoàng	20-02-1989	Hải Dương		2NT	4.75	7.25	1.00	13.00	13.00
35	C039	CNTT	Trần Thị Bích Huệ	05-02-1990	Hồng Yên		2NT	7.75	8.25	1.00	17.00	17.00
36	C040	CNTT	Nguyễn Minh Hùng	28-03-1987	Hải Dương		2		Không đi thi			
37	C041	CNTT	Phạm Hữu Huy	25-08-1989	Hải Dương		2NT		Không đi thi			
38	C042	CNTT	Đỗ Thị Huyền	20-08-1990	Hồng Yên		2NT	7.75	7.50	1.00	16.25	16.50
39	C043	CNTT	Giáp Thị Lan Hoàng	18-01-1990	Bắc Giang		2NT		Không đi thi			
40	C044	CNTT	Nguyễn Thị Hoàng	17-09-1989	Hải Dương		2NT	7.75	7.00	1.00	15.75	16.00
41	C045	CNTT	Nguyễn Thị Thu Hoàng	14-08-1984	Hồng Yên		2NT	6.25	4.00	1.00	11.25	11.50
42	C046	CNTT	Phạm Thị Thu Hoàng	22-04-1988	Bắc Giang		1	2.25	5.25	1.50	9.00	9.00
43	C047	CNTT	Tô Thị Hoàng	02-04-1988	Hồng Yên		2NT	8.50	8.25	1.00	17.75	18.00
44	C048	CNTT	Ngô Thị Hoàng	21-05-1990	Phú Thọ		1	6.25	6.00	1.50	13.75	14.00
45	C049	CNTT	Nguyễn Thị Khuyên	20-08-1990	Hồng Yên		2NT		Không đi thi			
46	C050	CNTT	Chu Ngọc Lâm	22-04-1990	Hồng Yên		2NT	8.50	8.25	1.00	17.75	18.00
47	C051	CNTT	Vũ Thị Len	30-04-1989	Hải Dương		2NT	7.75	7.50	1.00	16.25	16.50
48	C052	CNTT	Lương Thị Bích Liên	11-11-1990	Hồng Yên		2NT	6.25	6.00	1.00	13.25	13.50
49	C053	CNTT	Đào Minh Linh	02-09-1988	Hồng Yên		2NT	6.75	8.75	1.00	16.50	16.50
50	C054	CNTT	Tổng Thị Kiều Linh	09-03-1990	Bắc Kinh	06	1	6.25	5.00	2.50	13.75	14.00
51	C055	CNTT	Trần Danh Linh	20-04-1990	Bắc Ninh		2	8.25	8.25	0.50	17.00	17.00
52	C056	CNTT	Vũ Thị Linh	08-10-1988	Hà Nội		2NT	6.25	4.00	1.00	11.25	11.50
53	C057	CNTT	Lương Thị Loan	09-08-1990	Hồng Yên		2NT	7.25	5.50	1.00	13.75	14.00
54	C058	CNTT	Trần Thị Loan	14-04-1990	Hải Dương		2NT	7.25	6.25	1.00	14.50	14.50
55	C059	CNTT	Mai Thành Long	01-01-1988	Hải Dương		2NT	2.00	2.00	1.00	5.00	5.00
56	C060	CNTT	Vũ Thị Long	01-11-1990	Hải Dương		2NT		Không đi thi			
57	C061	CNTT	Giang Thị Lệ Á	14-02-1990	Bắc Giang	06	1	5.25	4.50	2.50	12.25	12.50
58	C062	CNTT	Đinh Văn Luân	24-10-1990	Hải Dương		2	6.50	7.50	0.50	14.50	14.50
59	C063	CNTT	Đinh Thị Mai Ly	23-07-1990	Ninh Bình		2NT	7.00	7.25	1.00	15.25	15.50
60	C064	CNTT	Nguyễn Thị Hoàng Lý	30-11-1990	Thái Bình		2NT	6.75	6.75	1.00	14.50	14.50
61	C065	CNTT	Tô Thị Lý	14-02-1989	Bắc Giang		1	7.00	3.50	1.50	12.00	12.00
62	C066	CNTT	Nguyễn Thị Ngon	26-09-1990	Hải Dương		2NT		Không đi thi			
63	C067	CNTT	Lê Thị Nga	30-06-1990	Thái Bình	06	2NT	8.00	8.00	2.00	18.00	18.00
64	C068	CNTT	Đinh Thúy Ngát	14-01-1990	Hồng Yên		2NT	7.50	7.50	1.00	16.00	16.00
65	C069	CNTT	Phạm Văn Ngọc	05-05-1990	Hải Dương		2NT	7.50	7.50	1.00	16.00	16.00
66	C070	CNTT	Nguyễn Thị Nhung	20-08-1990	Hồng Yên		2NT	8.50	6.75	1.00	16.25	16.50
67	C071	CNTT	Đông Thị Phụng	04-08-1989	Nghệ An		2NT		Không đi thi			
68	C072	CNTT	Nguyễn Thị Phụng	09-11-1990	Bắc Ninh		2NT		Không đi thi			
69	C073	CNTT	Tổng Duy Quang	26-08-1990	Điền Biên		1	4.25	7.25	1.50	13.00	13.00
70	C074	CNTT	Nguyễn Thị Quỳên	27-10-1990	Hải Dương		2NT	7.00	7.50	1.00	15.50	15.50
71	C075	CNTT	Vũ Thị Lệ Quỳên	20-10-1988	Hồng Yên		2NT	8.00	7.50	1.00	16.50	16.50
72	C076	CNTT	Vũ Thị Quỳnh	04-10-1990	Hồng Yên		2NT	8.75	6.50	1.00	16.25	16.50

TT	SBD	Ngành	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	ĐT	KV	CSN	CN	Điểm cộng	Tổng điểm	Tổng điểm (đã làm tròn)
73	C077	CNTT	Nguyễn Văn Thành	15-05-1988	Quảng Ninh		2NT	7.50	7.00	1.00	15.50	15.50
74	C078	CNTT	Vũ Trọng Thông	09-02-1987	Hải Dương		2NT	7.25	6.75	1.00	15.00	15.00
75	C079	CNTT	Đàm Thị The	03-09-1989	Ninh Bình		2NT	8.50	8.00	1.00	17.50	17.50
76	C080	CNTT	Nghiêm Thị Lệ Thu	05-08-1990	Hải Dương		2	7.25	6.50	0.50	14.25	14.50
77	C081	CNTT	Cao Văn Thuần	14-12-1990	Hưng Yên		2NT	7.00	3.00	1.00	11.00	11.00
78	C082	CNTT	Hoàng Đức Thuần	06-06-1989	Hưng Yên		2NT	7.00	1.00	1.00	9.00	9.00
79	C083	CNTT	Lê Thị Thuần	09-09-1990	Hưng Yên		2NT	8.50	5.00	1.00	14.50	14.50
80	C084	CNTT	Phạm Thị Thùy	03-08-1989	Hưng Yên		2NT	7.75	6.50	1.00	15.25	15.50
81	C085	CNTT	Nguyễn Thị Thùy C	11-10-1990	Hưng Yên		2NT	8.75	8.00	1.00	17.75	18.00
82	C086	CNTT	Lê Đình Toán	26-08-1988	Thanh Hóa		2NT	8.00	7.75	1.00	16.75	17.00
83	C087	CNTT	Cao Thị Huyền Trang	04-07-1990	Hải Dương		1	7.75	6.50	1.50	15.75	16.00
84	C088	CNTT	Trọng Thị Trang	28-06-1989	Hưng Yên		2NT	7.50	6.75	1.00	15.25	15.50
85	C089	CNTT	Nguyễn Hải Trọng	09-04-1990	Hưng Yên		2	8.25	7.75	0.50	16.50	16.50
86	C090	CNTT	Đông Thị Tuyết	07-10-1990	Hưng Yên		2NT		Không đi thi			
87	C091	CNTT	Hoàng Thị Tuyết	11-11-1978	Hưng Yên		2NT	7.50	6.00	1.00	14.50	14.50
88	C092	CNTT	Ngô Thị Xuân	14-03-1990	Hải Dương		2NT	8.00	7.00	1.00	16.00	16.00
89	C093	CNTT	Vũ Tín Xuân	01-10-1983	Hưng Yên		2NT	8.25	2.00	1.00	11.25	11.50
90	C094	CNTT	Phạm Thị Yến	14-09-1989	Hải Dương		2NT	8.50	8.75	1.00	18.25	18.50
91	C095	CNTT	Trần Thị Yến	06-08-1990	Hưng Yên		2NT	9.00	8.00	1.00	18.00	18.00
92	C096	Đi	Nguyễn Thành Chung	13-03-1989	Hà Nam	06	2NT	8.50	5.00	2.00	15.50	15.50
93	C097	Đi	Nguyễn Văn Ch C	05-10-1990	Hà Nội		2NT	7.50	6.75	1.00	15.25	15.50
94	C098	Đi	Nguyễn Chí Công	22-09-1990	Bắc Ninh	06	2NT	7.50	6.25	2.00	15.75	16.00
95	C099	Đi	Phạm Thanh Dũng	08-05-1987	Hưng Yên		2	8.25	7.00	0.50	15.75	16.00
96	C100	Đi	Vũ Trọng Đức Duy	15-09-1988	Hải Dương		2NT	5.00	3.75	1.00	9.75	10.00
97	C101	Đi	Nguyễn Thị Hiền	03-09-1985	Hải Dương		2NT		Không đi thi			
98	C102	Đi	Hà Huy Hòa	19-11-1987	Hưng Yên		2NT	7.75	8.50	1.00	17.25	17.50
99	C103	Đi	Phạm Công Huân	08-05-1989	Hải Dương		1	6.75	7.50	1.50	15.75	16.00
100	C104	Đi	Hoàng Công Hữu	03-10-1990	Hưng Yên		2NT	8.50	7.00	1.00	16.50	16.50
101	C105	Đi	Hoàng Ngọc Khánh	20-08-1989	Hải Dương		2	8.50	4.25	0.50	13.25	13.50
102	C106	Đi	Nguyễn Công Khiêm	01-10-1990	Bắc Ninh		2NT	6.25	4.50	1.00	11.75	12.00
103	C107	Đi	Nguyễn Văn Khuê	28-06-1988	Thái Nguyên		1		Không đi thi			
104	C108	Đi	Nguyễn Hoàng Kiên	25-07-1990	Hưng Yên		2NT		Không đi thi			
105	C109	Đi	Bùi Văn Luân	26-08-1986	Hải Phòng		2NT		Không đi thi			
106	C110	Đi	Đào Đình Mai	26-06-1990	Hải Dương		2NT	6.50	4.00	1.00	11.50	11.50
107	C111	Đi	Nguyễn Văn Mạnh	15-02-1988	Hưng Yên		2NT		Không đi thi			
108	C112	Đi	An Đức Nam	17-08-1990	Hưng Yên		2NT	7.00	2.25	1.00	10.25	10.50
109	C113	Đi	Nguyễn Chí Nam	02-03-1990	Bắc Ninh		2NT	6.25	7.25	1.00	14.50	14.50
110	C114	Đi	Phạm Thị Ánh Nga	18-12-1989	Hưng Yên		2NT	8.00	7.50	1.00	16.50	16.50
111	C115	Đi	Trần Trọng Phúc	30-05-1990	Bắc Ninh		2	6.25	7.50	0.50	14.25	14.50

TT	SBD	Ngành	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	ĐT	KV	CSN	CN	Điểm cộng	Tổng điểm	Tổng điểm (đã làm tròn)
112	C116	Điện	Đông Thanh Quý	05-08-1990	Bắc Ninh		2NT		Không dự thi			
113	C117	Điện	Trần Ngọc Quý	09-11-1990	Hà Nam		2NT	8.00	5.75	1.00	14.75	15.00
114	C118	Điện	Nguyễn Văn Sĩ	08-09-1988	Hồng Yên		2NT	7.00	5.00	1.00	13.00	13.00
115	C119	Điện	Cao Văn Tâm	13-10-1989	Thanh Hóa		2NT		Không dự thi			
116	C120	Điện	Nguyễn Ngọc Thạch	01-02-1988	Hải Phòng		2NT	8.00	6.50	1.00	15.50	15.50
117	C121	Điện	Đông Đình Thanh	02-08-1988	Hồng Yên		2NT	8.00	7.75	1.00	16.75	17.00
118	C122	Điện	Trần Việt Thanh	10-06-1990	Ninh Bình		2NT	7.50	5.50	1.00	14.00	14.00
119	C123	Điện	Nguyễn Trung Thành	10-06-1987	Hồng Yên		2NT		Không dự thi			
120	C124	Điện	Lê Quang Thuyết	18-04-1989	Hồng Yên	06	2NT	7.50	6.50	2.00	16.00	16.00
121	C125	Điện	Vũ Thạch Thanh	09-10-1990	Hải Phòng		2NT	9.00	7.25	1.00	17.25	17.50
122	C126	Điện	Nguyễn Trung Tiến	13-03-1988	Hải Phòng		2NT	7.25	5.50	1.00	13.75	14.00
123	C127	Điện	Trần Đức Tiến	18-10-1989	Hồng Yên		2NT		Không dự thi			
124	C128	Điện	Chu Minh Tuấn	03-01-1988	Hà Nam		2NT	8.50	5.50	1.00	15.00	15.00
125	C129	Điện	Trần Thanh Tùng	11-11-1988	Hải Phòng		2NT	7.00	6.25	1.00	14.25	14.50
126	C130	Điện	Vũ Văn Tùng	06-12-1990	Hải Phòng		2NT	6.75	7.00	1.00	14.75	15.00
127	C131	Điện	Hoàng Xuân Tuyên	07-12-1988	Bắc Giang		2NT	7.75	5.75	1.00	14.50	14.50
128	C132	Điện	Phạm Văn Tuấn	20-10-1990	Hải Phòng		2NT	6.50	5.50	1.00	13.00	13.00
129	C133	Điện	Nguyễn Văn Việt	19-04-1985	Hồng Yên		2NT	4.75	3.25	1.00	9.00	9.00
130	C134	Điện	Đình Công Việt	01-01-1989	Hà Nội		2NT	8.25	2.75	1.00	12.00	12.00
131	C135	Điện	Tô Văn Xuân	27-11-1990	Bắc Giang		2NT	8.00	4.75	1.00	13.75	14.00
132	C136	Điện	Nguyễn Thanh Hải Yến	04-05-1989	Hà Nam		2	9.00	6.50	0.50	16.00	16.00
133	C137	ĐT	Nguyễn Hữu Biên	03-02-1985	Hải Phòng		2NT	5.00	4.50	1.00	10.50	10.50
134	C138	ĐT	Nguyễn Văn Duy	21-02-1989	Hồng Yên		2NT	4.50	7.50	1.00	13.00	13.00
135	C139	ĐT	Nghiêm Thanh Hải Đức	23-04-1986	Vĩnh Phúc		1	6.50	3.75	1.50	11.75	12.00
136	C140	ĐT	Nguyễn Văn Đức	04-11-1989	Hải Phòng		2NT	5.50	7.25	1.00	13.75	14.00
137	C141	ĐT	Tiến Duy Đức	23-07-1989	Hồng Yên		2NT	6.50	6.75	1.00	14.25	14.50
138	C142	ĐT	Nguyễn Khắc Giang	10-05-1976	Hải Phòng		2NT	3.75	2.50	1.00	7.25	7.50
139	C143	ĐT	Đỗ Đức Hạnh	25-10-1989	Hồng Yên		2NT	8.50	5.75	1.00	15.25	15.50
140	C144	ĐT	Nguyễn Văn Hiệp	05-05-1987	Hồng Yên		2NT	4.75	5.75	1.00	11.50	11.50
141	C145	ĐT	Hoàng Văn Hải	15-11-1989	Hồng Yên		2NT	8.00	7.75	1.00	16.75	17.00
142	C146	ĐT	Trần Thanh Hải	19-08-1987	Thái Nguyên		2	5.00	5.00	0.50	10.50	10.50
143	C147	ĐT	Nguyễn Văn Hòa	02-07-1990	Ninh Bình		2NT	7.25	7.50	1.00	15.75	16.00
144	C148	ĐT	Nguyễn Thanh Huyền	04-01-1989	Vĩnh Phúc		2	4.00	6.50	0.50	11.00	11.00
145	C149	ĐT	Phùng Quốc Hạnh	27-09-1988	Hải Phòng		2	2.25	1.75	0.50	4.50	4.50
146	C150	ĐT	Đào Thanh Thùy Ngân	30-12-1990	Hồng Yên		2NT	8.25	9.75	1.00	19.00	19.00
147	C151	ĐT	Phạm Trần Ngọc Hiệp	22-11-1981	Hải Phòng		2NT	6.50	4.00	1.00	11.50	11.50
148	C152	ĐT	Bùi Thanh Ngoan	02-05-1989	Bắc Giang		1		Không dự thi			
149	C153	ĐT	Nguyễn Thanh Ngọc	12-11-1990	Hải Phòng		2NT	7.00	7.75	1.00	15.75	16.00
150	C154	ĐT	Quách Văn Tân	03-09-1987	Hòa Bình		1	7.00	8.25	1.50	16.75	17.00

TT	SBD	Ngành	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	ĐT	KV	CSN	CN	Điểm cộng	Tổng điểm	Tổng điểm (đã làm tròn)
151	C155	ĐT	Nguyễn Khắc Thôn	06-09-1988	Bắc Ninh		2NT	8.50	6.00	1.00	15.50	15.50
152	C156	ĐT	Đặng Văn Tiến	22-12-1988	Hồng Yên		2NT	6.75	6.25	1.00	14.00	14.00
153	C157	ĐT	Nguyễn Văn Trung	28-08-1988	Hồng Yên		2NT	7.75	6.75	1.00	15.50	15.50
154	C158	ĐT	Bá Thôn Xoan	10-11-1989	Hồng Yên		2NT	7.50	7.75	1.00	16.25	16.50
155	C159	ĐT	Vũ Thôn Xuân	20-05-1988	Nam Định		2NT	5.50	5.50	1.00	12.00	12.00
156	C160	ĐT	Vũ Thôn Thanh Yên	01-08-1989	Hải Dương		2NT	5.25	6.25	1.00	12.50	12.50
157	C161	CKCT	Trần Văn Âu	02-04-1990	Hà Nam		2NT	5.75	6.25	1.00	13.00	13.00
158	C162	CKCT	Nguyễn Tiến Ba	14-02-1986	Bắc Giang		1	4.75	8.00	1.50	14.25	14.50
159	C163	CKCT	Đỗ Văn Bình	02-08-1990	Hồng Yên		2NT	9.50	8.75	1.00	19.25	19.50
160	C164	CKCT	Ngô Văn Cảnh	20-01-1990	Hải Dương		2NT	7.50	7.75	1.00	16.25	16.50
161	C165	CKCT	Nguyễn Văn Cảnh	21-06-1990	Ninh Bình		2NT	6.75	8.00	1.00	15.75	16.00
162	C166	CKCT	Bùi Duy Chí	03-05-1990	Hải Dương		2NT	6.50	8.75	1.00	16.25	16.50
163	C167	CKCT	Vũ Văn Chí	10-08-1990	Yên Bái		1	7.50	7.75	1.50	16.75	17.00
164	C168	CKCT	Phạm Hồng Chuyên	25-07-1989	Hà Nội		2NT	7.25	8.25	1.00	16.50	16.50
165	C169	CKCT	Nguyễn Bá Cảnh	01-02-1990	Hải Dương		2NT	9.25	9.00	1.00	19.25	19.50
166	C170	CKCT	Nguyễn Trường Dao	27-03-1990	Hồng Yên		2NT		Không thi			
167	C171	CKCT	Nguyễn Văn Di	06-06-1989	Hải Dương		1	9.00	8.25	1.50	18.75	19.00
168	C172	CKCT	Nguyễn Công Di	10-08-1989	Hải Phòng		2		Không thi			
169	C173	CKCT	Lê Ngọc Du	15-12-1987	Thanh Hóa		2NT	5.75	7.50	1.00	14.25	14.50
170	C174	CKCT	Phạm Văn Dũng	04-02-1990	Hà Nam		2NT	9.75	8.25	1.00	19.00	19.00
171	C175	CKCT	Phạm Duy Đức	21-03-1990	Hà Nam		2NT		Không thi			
172	C176	CKCT	Nguyễn Văn Đình	10-02-1990	Hải Phòng		2	8.00	9.00	0.50	17.50	17.50
173	C177	CKCT	Tôn Hữu Đình	27-10-1989	Hà Tĩnh		2NT	8.75	7.25	1.00	17.00	17.00
174	C178	CKCT	Lê Văn Đức	01-05-1989	Thanh Hóa		2NT	7.50	7.50	1.00	16.00	16.00
175	C179	CKCT	Phạm Văn Đức	07-09-1990	Hải Phòng		3	7.25	7.75	0.00	15.00	15.00
176	C180	CKCT	Phạm Thanh Hùng	27-07-1989	Hồng Yên		2NT	10.00	6.75	1.00	17.75	18.00
177	C181	CKCT	Đỗ Thanh Hoài	15-08-1989	Hồng Yên		2NT	7.50	9.00	1.00	17.50	17.50
178	C182	CKCT	Đỗ Minh Hoàng	07-07-1986	Nam Định		2NT	4.50	8.75	1.00	14.25	14.50
179	C183	CKCT	Nguyễn Kim Hoàng	28-07-1989	Hải Dương		2NT	6.25	8.75	1.00	16.00	16.00
180	C184	CKCT	Đặng Văn Hùng	20-10-1990	Quảng Ninh		2		Không thi			
181	C185	CKCT	Nguyễn Duy Hùng	09-01-1989	Vĩnh Phúc		2NT	7.75	8.25	1.00	17.00	17.00
182	C186	CKCT	Nguyễn Văn Long	26-09-1990	Hồng Yên		2NT	8.75	9.00	1.00	18.75	19.00
183	C187	CKCT	Phạm Văn Luân	17-03-1990	Hải Phòng		2	8.25	9.00	0.50	17.75	18.00
184	C188	CKCT	Đỗ Văn Năm	29-01-1990	Hải Dương		2NT	8.50	8.25	1.00	17.75	18.00
185	C189	CKCT	Lê Văn Ngọc	05-02-1989	Hồng Yên		2NT		Không thi			
186	C190	CKCT	Khúc Xuân Nhật	08-12-1990	Hồng Yên		2NT	3.50	6.75	1.00	11.25	11.50
187	C191	CKCT	Nguyễn Thanh Nhật	29-07-1989	Hồng Yên		2NT	6.00	7.50	1.00	14.50	14.50
188	C192	CKCT	Nguyễn Ngọc Núi	18-02-1985	Hồng Yên		2NT	6.00	7.50	1.00	14.50	14.50
189	C193	CKCT	Nguyễn Trường Phi	06-09-1990	Hải Dương		2NT	9.50	8.25	1.00	18.75	19.00

TT	SBD	Ngành	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	ĐT	KV	CSN	CN	Điểm cộng	Tổng điểm	Tổng điểm (đã làm tròn)
190	C194	CKCT	Phùng Văn Phong	17-03-1989	Hồ ng Yên		2	9.00	7.50	0.50	17.00	17.00
191	C195	CKCT	Vũ Văn Phúc	07-07-1989	Hội Dị ng		2NT	9.00	7.75	1.00	17.75	18.00
192	C196	CKCT	Nguyễn Minh San	11-02-1985	Lũng Sơn		1		Không đủ thi			
193	C197	CKCT	Phạm Văn Sơn	25-02-1990	Hội Dị ng		2NT		Không đủ thi			
194	C198	CKCT	Phạm Nhị Thành	20-02-1989	Hồ ng Yên		2NT	6.50	7.50	1.00	15.00	15.00
195	C199	CKCT	Nguyễn Văn Thông	01-01-1989	Hội Dị ng		2NT	5.25	7.25	1.00	13.50	13.50
196	C200	CKCT	Phạm Văn Thúc	25-08-1988	Hội Phòng		2	5.75	7.75	0.50	14.00	14.00
197	C201	CKCT	Trần Văn Thúc	28-04-1984	Hà Nội		2NT	5.00	8.25	1.00	14.25	14.50
198	C202	CKCT	Nguyễn Đức Tiến	01-03-1988	Bắc Ninh		2	4.75	8.50	0.50	13.75	14.00
199	C203	CKCT	Nguyễn Thị Tính	26-07-1988	Hồ ng Yên		2NT	5.00	8.50	1.00	14.50	14.50
200	C204	CKCT	Vũ Công Tĩnh	14-09-1990	Hồ ng Yên		2NT	8.75	8.00	1.00	17.75	18.00
201	C205	CKCT	Hà Đức Toàn	25-10-1987	Phú Thọ		2	6.25	8.00	0.50	14.75	15.00
202	C206	CKCT	Võ ng Quốc Toàn	18-07-1990	Hà Nội		2NT		Không đủ thi			
203	C207	CKCT	Nguyễn Trình	16-04-1990	Hà Nội		2	6.50	6.75	0.50	13.75	14.00
204	C208	CKCT	Nguyễn Toàn Trung	09-01-1988	Gia Lai		1		Không đủ thi			
205	C209	CKCT	Đinh Văn Tuấn	02-12-1987	Hội Dị ng		2		Không đủ thi			
206	C210	CKCT	Nguyễn Ngọc Tuấn	29-07-1989	Hội Dị ng		2NT		Không đủ thi			
207	C211	CKCT	Nguyễn Quang Tuấn	23-03-1989	Hà Nội		2NT		Không đủ thi			
208	C212	CKCT	Lê Xuân Vũ	28-03-1988	Hội Phòng		2		Không đủ thi			
209	C213	CKĐL	Lý Thanh Bình	07-05-1987	Nghệ An		2NT	4.25	6.25	1.00	11.50	11.50
210	C214	CKĐL	Nguyễn Văn Cảnh	12-06-1990	Thái Bình		2NT		Không đủ thi			
211	C215	CKĐL	Đoàn Xuân Chiên	03-02-1990	Hội Dị ng		2NT	9.75	6.75	1.00	17.50	17.50
212	C216	CKĐL	Nguyễn Quý Chiên	29-08-1987	Hội Dị ng		2NT	4.50	7.25	1.00	12.75	13.00
213	C217	CKĐL	Đỗ Văn Chính	07-10-1989	Ninh Bình		1	4.50	6.75	1.50	12.75	13.00
214	C218	CKĐL	Đông Văn Cường	26-02-1986	Hội Phòng		2NT		Không đủ thi			
215	C219	CKĐL	Phạm Văn Dũng	17-04-1986	Hồ ng Yên	06	2NT		Không đủ thi			
216	C220	CKĐL	Nguyễn Văn Đoài	09-03-1990	Hà Nam		2NT	5.75	8.50	1.00	15.25	15.50
217	C221	CKĐL	Nguyễn Văn Đức	12-05-1989	Nam Định		2NT	7.50	8.00	1.00	16.50	16.50
218	C222	CKĐL	Hoàng Tuấn Huân	12-09-1988	Hội Phòng		3	7.25	7.50	0.00	14.75	15.00
219	C223	CKĐL	Phạm Quốc Hùng	20-09-1990	Hồ ng Yên		2NT	6.75	7.00	1.00	14.75	15.00
220	C224	CKĐL	Trần Mạnh Hùng	30-03-1990	Thanh Hóa		2NT	6.25	7.25	1.00	14.50	14.50
221	C225	CKĐL	Phan Thành Luân	12-12-1990	Hồ ng Yên		2NT	6.25	7.00	1.00	14.25	14.50
222	C226	CKĐL	Hà Ngọc Quang	08-07-1989	Bắc Ninh		2NT	4.00	7.00	1.00	12.00	12.00
223	C227	CKĐL	Hoàng Văn Quý	30-11-1990	Lũng Sơn	01	1		Không đủ thi			
224	C228	CKĐL	Nguyễn Văn Quý	30-01-1989	Bắc Giang		2NT	5.00	6.50	1.00	12.50	12.50
225	C229	CKĐL	Phạm Thanh Sơn	30-07-1990	Thái Nguyên		2	6.75	7.00	0.50	14.25	14.50
226	C230	CKĐL	Nguyễn Bá Tài	07-11-1990	Hội Dị ng		2NT	8.50	7.25	1.00	16.75	17.00
227	C231	CKĐL	Tổng Văn Tâm	17-06-1990	Thái Bình		2NT	7.25	7.00	1.00	15.25	15.50
228	C232	CKĐL	Lê Trọng Tín	07-10-1990	Hồ ng Yên		2NT	5.75	7.50	1.00	14.25	14.50

TT	SBD	Ngành	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	ĐT	KV	CSN	CN	Điểm cộng	Tổng điểm	Tổng điểm (đã làm tròn)
229	C233	CKDL	Đông Quang Thông	14-10-1990	Hồng Yên		2NT	5.00	7.00	1.00	13.00	13.00
230	C234	CKDL	Nguyễn Văn Thông	30-12-1990	Hồng Yên		2NT	6.75	6.25	1.00	14.00	14.00
231	C235	CKDL	Nguyễn Minh Tiến	05-08-1989	Hải Dương		2NT	6.00	6.00	1.00	13.00	13.00
232	C236	CKDL	Nguyễn Công Tĩnh	10-08-1989	Hải Dương		2NT	5.75	7.75	1.00	14.50	14.50
233	C237	CKDL	Trần Xuân Tráng	12-10-1990	Hải Dương		2NT	3.00	7.75	1.00	11.75	12.00
234	C238	CKDL	Phạm Ngọc Tuấn	25-08-1987	Hồng Yên		2NT	7.00	7.25	1.00	15.25	15.50
235	C239	CKDL	Phạm Văn Tuấn	02-02-1985	Hải Dương		2NT		Không đi thi			
236	C240	CKDL	Trần Đình Tú	28-08-1990	Nam Định		2NT		Không đi thi			
237	C241	CKDL	Vũ Ngọc Vinh	16-11-1989	Vĩnh Phúc		2NT	6.00	7.50	1.00	14.50	14.50
238	C242	CKDL	Nguyễn Văn Yên	06-11-1990	Hà Nam		2NT		Không đi thi			
239	C243	Hàn	Trần Thế Bình	11-01-1988	Bắc Ninh		2NT	4.25	8.25	1.00	13.50	13.50
240	C244	Hàn	Nguyễn Đình Đông	07-10-1989	Hồng Yên		2NT	4.50	7.50	1.00	13.00	13.00
241	C245	Hàn	Phạm Sĩ Hiệp	09-09-1990	Bắc Giang		2NT	4.75	8.00	1.00	13.75	14.00
242	C246	Hàn	Trần Văn Hoàng	10-05-1989	Bắc Giang		1	4.00	8.00	1.50	13.50	13.50
243	C247	Hàn	Vũ Văn Phúc	16-07-1987	Hải Dương		2NT	3.25	8.50	1.00	12.75	13.00
244	C248	Hàn	Đỗ Tút Tuấn	30-06-1989	Hồng Yên		2NT	4.00	7.75	1.00	12.75	13.00
245	C249	Hàn	Phan Văn Vinh	20-02-1989	Hà Tĩnh		2NT	6.75	6.25	1.00	14.00	14.00
246	C250	Có điểm	Vũ Văn Hải	03-06-1988	Hải Dương		2NT	2.50	8.25	1.00	11.75	12.00
247	C251	Có điểm	Lưu Ngọc Hân	05-02-1988	Hồng Yên		2NT	5.75	9.00	1.00	15.75	16.00
248	C252	Có điểm	Đông Thế Huân	20-12-1987	Nghệ An	06	1	5.75	9.00	2.50	17.25	17.50
249	C253	Có điểm	Trần Việt Hùng	25-10-1989	Bắc Ninh		2NT		Không đi thi			
250	C254	Có điểm	Lê Thế Nhài	03-09-1986	Hải Dương		2NT	6.00	8.75	1.00	15.75	16.00
251	C255	Có điểm	Nguyễn Văn Trường	30-07-1988	Hải Dương		2NT		Không đi thi			
252	C256	Có điểm	Nguyễn Văn Trường	16-10-1986	Bắc Giang	06	1	4.00	7.75	2.50	14.25	14.50
253	C257	Có điểm	Bùi Đình Tuyển	08-06-1988	Hồng Yên		2NT	4.25	8.50	1.00	13.75	14.00
254	C258	CĐT	An Thế Ánh	22-10-1989	Hải Dương		2NT	9.75	8.50	1.00	19.25	19.50
255	C259	CĐT	Đoàn Xuân Cung	26-07-1988	Hải Phòng		1	9.50	8.50	1.50	19.50	19.50
256	C260	CĐT	Phạm Thế Cường	11-09-1989	Hồng Yên		2NT	8.25	7.00	1.00	16.25	16.50
257	C261	CĐT	Lê Văn Dinh	08-02-1990	Hồng Yên		2NT	6.50	7.25	1.00	14.75	15.00
258	C262	CĐT	Phạm Thế Du	16-02-1989	Hải Dương		2NT	9.50	8.25	1.00	18.75	19.00
259	C263	CĐT	Trần Thế Dũng	20-03-1986	Hải Dương		1		Không đi thi			
260	C264	CĐT	Nguyễn Thúy Duyên	16-01-1989	Hồng Yên		2NT	7.75	8.25	1.00	17.00	17.00
261	C265	CĐT	Lê Thế Dũng	01-10-1989	Hải Dương		2	8.00	8.25	0.50	16.75	17.00
262	C266	CĐT	An Thế Đạt	09-02-1990	Hải Dương		2NT	9.75	8.25	1.00	19.00	19.00
263	C267	CĐT	Vũ Đình Đ	14-03-1990	Hồng Yên		2NT	8.25	7.75	1.00	17.00	17.00
264	C268	CĐT	Đào Thế Thanh Hà	01-11-1989	Hồng Yên		2NT		Không đi thi			
265	C269	CĐT	Đỗ Thế Thu Hà	15-04-1990	Hồng Yên		2NT	8.75	9.00	1.00	18.75	19.00
266	C270	CĐT	Nguyễn Thế Hân	28-02-1990	Bắc Ninh		2NT		Không đi thi			

TT	SBD	Ngành	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	ĐT	KV	CSN	CN	Điểm cấp	Tổng điểm	Tổng điểm (đã làm tròn)
267	C271	CĐT	Kiều Thị Hương	08-04-1989	Hà Nam		2NT	8.25	7.75	1.00	17.00	17.00
268	C272	CĐT	Nguyễn Thị Hiền	16-01-1988	Hồng Yên		2NT	9.75	8.50	1.00	19.25	19.50
269	C273	CĐT	Phạm Văn Hoàng	05-02-1985	Hồng Yên		2NT	5.75	5.50	1.00	12.25	12.50
270	C274	CĐT	Bùi Minh Kha	07-11-1986	Hồng Yên		2NT	6.25	6.50	1.00	13.75	14.00
271	C275	CĐT	Nguyễn Đình Khanh	22-10-1990	Hải Dương		2NT	9.75	8.75	1.00	19.50	19.50
272	C276	CĐT	Đâu Thị Lại	24-01-1990	Nghệ An		2NT	8.50	9.00	1.00	18.50	18.50
273	C277	CĐT	Vũ Trí Long	01-08-1990	Hải Dương		1	7.50	7.75	1.50	16.75	17.00
274	C278	CĐT	Mai Thị Đức	15-06-1989	Lào Cai		1	9.25	8.00	1.50	18.75	19.00
275	C279	CĐT	Nguyễn Văn Ngọc	25-07-1989	Hải Dương		2NT		Không đi thi			
276	C280	CĐT	Trần Thị Nhã	08-07-1989	Bắc Ninh		2NT	9.50	8.75	1.00	19.25	19.50
277	C281	CĐT	Hồ Bá Nhân	07-02-1988	Hồng Yên		2NT	6.75	6.50	1.00	14.25	14.50
278	C282	CĐT	Nguyễn Ngọc Phong	07-08-1989	Hồng Yên		2	5.25	7.50	0.50	13.25	13.50
279	C283	CĐT	Bùi Minh Phúc	08-09-1989	Bắc Giang		1		Không đi thi			
280	C284	CĐT	Đào Nhị Quân	12-08-1989	Lào Cai		1		Không đi thi			
281	C285	CĐT	Đào Ngọc Sơn	25-03-1982	Hồng Yên		2NT	5.00	5.75	1.00	11.75	12.00
282	C286	CĐT	Trần Đức Tâm	18-05-1990	Hải Dương		2NT	4.00	3.75	1.00	8.75	9.00
283	C287	CĐT	Lê Văn Tân	04-08-1989	Hồng Yên		2NT	6.50	6.50	1.00	14.00	14.00
284	C288	CĐT	Bùi Văn Tiến	02-07-1982	Hải Dương		2NT	9.25	8.75	1.00	19.00	19.00
285	C289	CĐT	Vũ Văn Thành	21-09-1988	Hồng Yên		2NT	6.50	8.00	1.00	15.50	15.50
286	C290	CĐT	Đào Minh Thông	02-01-1986	Hà Nội		2	6.50	8.25	0.50	15.25	15.50
287	C291	CĐT	Nguyễn Văn Thông	11-10-1988	Hải Dương	06	2NT		Không đi thi			
288	C292	CĐT	Trần Đình Thù	20-08-1990	Hồng Yên		2NT	4.25	4.50	1.00	9.75	10.00
289	C293	CĐT	Nguyễn Thị Thu Hương	10-02-1990	Hồng Yên		2NT	7.00	7.75	1.00	15.75	16.00
290	C294	CĐT	Nguyễn Đức Tiến	15-04-1990	Bắc Ninh		2NT	6.00	5.00	1.00	12.00	12.00
291	C295	CĐT	Nguyễn Thị Trang	14-10-1989	Hải Dương		2NT	7.25	8.50	1.00	16.75	17.00
292	C296	CĐT	Bùi Văn Trường	08-10-1990	Hải Phòng		2	6.75	7.00	0.50	14.25	14.50
293	C297	CĐT	Trần Văn Trường	03-07-1989	Hồng Yên		2NT	7.25	6.00	1.00	14.25	14.50
294	C298	CĐT	Đặng Văn Tý	12-10-1990	Hồng Yên		2NT	6.00	7.25	1.00	14.25	14.50
295	C299	CĐT	Nguyễn Thị Vân	15-07-1987	Thanh Hóa		2NT	7.25	8.50	1.00	16.75	17.00
296	C300	CĐT	Giang Văn Việt	20-05-1985	Hồng Yên		2NT	7.25	8.50	1.00	16.75	17.00
297	C301	CĐT	Nguyễn Tuấn Vũ	28-11-1990	Hồng Yên		2NT	8.50	8.00	1.00	17.50	17.50
298	C302	CĐT	Nguyễn Nhị Ý	25-11-1988	Hồng Yên		2NT	4.50	8.50	1.00	14.00	14.00
299	C303	CĐT	Phạm Thị Hải Yến	04-07-1990	Hồng Yên		2NT	8.00	7.50	1.00	16.50	16.50
300	C304	May	Nguyễn Thị Mai Chi	04-12-1982	Yên Bái		1	9.50	9.50	1.50	20.50	20.50
301	C305	May	Trần Thị Duyên	18-01-1990	Thái Bình		2NT		Không đi thi			
302	C306	May	Nguyễn Thị Đoài	14-12-1990	Hải Dương		2NT	9.50	9.50	1.00	20.00	20.00
303	C307	May	Nguyễn Thị Khương	14-08-1989	Thái Bình		2NT		Không đi thi			

TT	SBD	Ngành	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	ĐT	KV	CSN	CN	Điểm cộng	Tổng điểm	Tổng điểm (đã làm tròn)
304	C308	May	Nguyễn Thị Luận	30-09-1990	Bắc Ninh		2NT		Không đủ thi			
305	C309	May	Nguyễn Thị Máy	10-05-1990	Hồng Yên		2NT		Không đủ thi			
306	C310	May	Tô Thị Nga	13-02-1990	Hồng Yên		2	8.75	9.00	0.50	18.25	18.50
307	C311	May	Nguyễn Thị Nhài	24-08-1990	Hồng Yên		2NT	6.75	6.50	1.00	14.25	14.50
308	C312	May	Nguyễn Thị Nhàn	24-10-1989	Hà Nội		2NT	7.50	8.50	1.00	17.00	17.00
309	C313	May	Nguyễn Thị Nhung	26-06-1990	Hải Phòng		2	8.50	9.25	0.50	18.25	18.50
310	C314	May	Vũ Thị Nhung	17-06-1990	Hồng Yên		2NT	7.50	9.25	1.00	17.75	18.00
311	C315	May	Nguyễn Thị Thu	24-10-1989	Hà Nội		2NT	7.25	8.75	1.00	17.00	17.00
312	C316	May	Hà Thị Thúy	20-01-1989	Hà Nội		2NT		Không đủ thi			
313	C317	May	Đông Thị Trang	08-08-1985	Bắc Giang	06	2NT	8.50	9.50	2.00	20.00	20.00
314	C318	May	Đông Việt Tùng	06-12-1989	Bắc Ninh		2NT		Không đủ thi			
315	C319	May	Nguyễn Thị Tuyến	01-12-1989	Bắc Giang		1	6.00	8.25	1.50	15.75	16.00
316	C320	May	Nguyễn Hoàng Tuấn	15-12-1990	Hồng Yên		2NT	7.75	8.00	1.00	16.75	17.00
317	C321	May	Vũ Thúy Vân	20-11-1990	Yên Bái		1	5.00	9.50	1.50	16.00	16.00
318	C322	May	Phan Thị Vinh	26-07-1984	Bắc Giang		2NT	7.50	9.25	1.00	17.75	18.00
319	C322B	May	Ngô Thị Nguyệt	05-03-1989	Nam Định		2NT	7.25	8.25	1.00	16.50	16.50
320	C323	SPKT	Nguyễn Thị Anh	22-11-1990	Hồng Yên		2NT	8.50	8.00	1.00	17.50	17.50
321	C324	SPKT	Lê Văn Báu	04-10-1989	Hồng Yên		2NT	8.25	7.50	1.00	16.75	17.00
322	C325	SPKT	Ngô Thị Chang	18-05-1990	Hồng Yên		2NT	8.00	6.25	1.00	15.25	15.50
323	C326	SPKT	Nguyễn Lê Chi	27-08-1990	Hải Phòng		2NT		Không đủ thi			
324	C327	SPKT	Bùi Thị Chung	12-01-1989	Hồng Yên		2NT	7.50	6.00	1.00	14.50	14.50
325	C328	SPKT	Phạm Thị Thu Hà	01-08-1990	Hà Nội		2NT	7.25	6.25	1.00	14.50	14.50
326	C329	SPKT	Đoàn Thị Hồng	26-05-1990	Hồng Yên		2NT	7.25	5.00	1.00	13.25	13.50
327	C330	SPKT	Đoàn Thị Hồng Hồng	02-10-1990	Hồng Yên		2NT	9.00	6.50	1.00	16.50	16.50
328	C331	SPKT	Cao Thị Hiền	06-10-1990	Hải Phòng		2NT	6.75	3.75	1.00	11.50	11.50
329	C332	SPKT	Vũ Thị Thu Hiền	20-05-1990	Nam Định		2NT	7.25	4.00	1.00	12.25	12.50
330	C333	SPKT	Vũ Thị Hồng	04-12-1989	Hải Phòng		1	8.50	7.50	1.50	17.50	17.50
331	C334	SPKT	Nguyễn Thị Hoàng	20-03-1990	Thái Bình		2NT		Không đủ thi			
332	C335	SPKT	Trần Thị Thu Hoàng	09-08-1990	Hồng Yên		2NT	8.75	6.75	1.00	16.50	16.50
333	C336	SPKT	Đào Thị Thùy Linh	13-05-1989	Bắc Ninh		2NT	8.00	5.75	1.00	14.75	15.00
334	C337	SPKT	Vũ Xuân Mai	27-12-1983	Thái Bình		2NT		Không đủ thi			
335	C338	SPKT	Đinh Thị Nết	07-02-1984	Hải Phòng		2	8.25	6.00	0.50	14.75	15.00
336	C339	SPKT	Nguyễn Thị Ní	20-05-1990	Hồng Yên		2NT	8.75	7.00	1.00	16.75	17.00
337	C340	SPKT	Nguyễn Văn Sáng	23-03-1989	Hồng Yên		2NT	8.50	5.75	1.00	15.25	15.50
338	C341	SPKT	Đông Thị Sinh	30-03-1990	Hồng Yên		2NT	8.00	6.75	1.00	15.75	16.00
339	C342	SPKT	Luyến Thị Thanh	02-07-1989	Hồng Yên		2NT	7.75	6.50	1.00	15.25	15.50
340	C343	SPKT	Nguyễn Thị Thảo	09-09-1990	Hà Nam		1		Không đủ thi			

TT	SBD	Ngành	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	ĐT	KV	CSN	CN	Điểm cộng	Tổng điểm	Tổng điểm (đã làm tròn)
341	C344	SPKT	Phạm Văn Thảo	12-02-1990	Hồ ng Yên		2NT	8.25	6.25	1.00	15.50	15.50
342	C345	SPKT	Ngô Thị Thảo	25-11-1989	Hội Đồng ng		2NT	8.25	5.50	1.00	14.75	15.00
343	C346	SPKT	Đào Đức Thắng	13-08-1989	Hà Nam		1	6.75	5.75	1.50	14.00	14.00
344	C347	SPKT	Phạm Thị Thuý	30-10-1990	Hội Đồng ng		2NT	8.00	6.25	1.00	15.25	15.50
345	C348	SPKT	Trần Thị Hoàng Thị	15-03-1987	Nam Định	06	2NT		Không đủ thi			
346	C349	SPKT	Hoàng Thanh Tùng	21-11-1988	Lũng Sơn		1	8.25	6.50	1.50	16.25	16.50
347	C350	SPKT	Nguyễn Thị Yêu	17-12-1990	Lũng Sơn	01	1	8.00	6.00	3.50	17.50	17.50
348	C351	QT	Phạm Thị Anh	25-07-1990	Hội Đồng ng		2	8.75	6.50	0.50	15.75	16.00
349	C352	QT	Nguyễn Thị Biên	26-07-1990	Thái Bình		2NT		Không đủ thi			
350	C353	QT	Phạm Hữu Công	20-10-1985	Thái Bình		2NT	7.00	2.00	1.00	10.00	10.00
351	C354	QT	Trần Ngọc Diệp	15-07-1988	Nghệ An		2NT	8.00	6.50	1.00	15.50	15.50
352	C355	QT	Hoàng Kim Đình	01-08-1989	Hội Đồng ng		2NT		Không đủ thi			
353	C356	QT	Hoàng Thị Hiền	08-01-1990	Bắc Giang		1		Không đủ thi			
354	C357	QT	Vũ Thị Hiền	28-08-1990	Quảng Ninh		2NT	7.50	6.00	1.00	14.50	14.50
355	C358	QT	Bùi Thị Huệ	17-07-1989	Hòa Bình		1	9.50	4.25	1.50	15.25	15.50
356	C359	QT	Đặng Thị Hoàng	08-03-1988	Hồ ng Yên		2NT	9.25	5.50	1.00	15.75	16.00
357	C360	QT	Lê Thị Bích Liên	16-05-1986	Hồ ng Yên		2NT		Không đủ thi			
358	C361	QT	Nguyễn Thị Nga	27-11-1988	Hội Đồng ng		2NT	8.50	6.25	1.00	15.75	16.00
359	C362	QT	Đinh Thị Nguyên	10-02-1989	Hồ ng Yên		2NT	9.00	5.75	1.00	15.75	16.00
360	C363	QT	Nguyễn Thị Phê	20-02-1990	Thái Bình		2NT		Không đủ thi			
361	C364	QT	Giáp Văn Quý	20-03-1990	Bắc Giang		1	8.75	4.75	1.50	15.00	15.00
362	C365	QT	Nguyễn Thị Tân	01-05-1990	Bắc Ninh		2NT		Không đủ thi			
363	C366	QT	Đỗ Thị Toàn	20-10-1990	Bắc Ninh		2NT	6.50	6.75	1.00	14.25	14.50
364	C367	QT	Nguyễn Huyền Trang	22-02-1990	Sơn La		1		Không đủ thi			
365	C368	QT	Nguyễn Việt Trung	28-12-1988	Quảng Ninh		2NT	8.25	7.75	1.00	17.00	17.00
366	C369	KT	Đào Thị Minh Anh	02-03-1989	Hội Đồng ng		2		Không đủ thi			
367	C370	KT	Phạm Thị Ngọc Anh	24-08-1990	Hội Đồng ng		2		Không đủ thi			
368	C371	KT	Đỗ Tuấn Cường	27-10-1987	Hội Đồng ng		2		Không đủ thi			
369	C372	KT	Trần Thị Diễm	17-10-1989	Thái Bình		2NT	8.00	4.00	1.00	13.00	13.00
370	C373	KT	Bùi Thị Giang	30-09-1987	Hồ ng Yên		2NT	8.00	8.25	1.00	17.25	17.50
371	C374	KT	Trần Thị Hoàng Giang	30-09-1983	Hội Đồng ng		2		Không đủ thi			
372	C375	KT	Nguyễn Thị Giao	15-10-1988	Bắc Ninh		2	9.75	4.25	0.50	14.50	14.50
373	C376	KT	Đỗ Thị Hải	09-04-1990	Hồ ng Yên		2NT		Không đủ thi			
374	C377	KT	Đinh Thị Hoàng Hoa	20-10-1987	Quảng Ninh		2		Không đủ thi			
375	C378	KT	Đoàn Thị Hoa	14-11-1990	Hội Đồng ng		2NT	9.75	6.50	1.00	17.25	17.50
376	C379	KT	Đỗ Thị Hoàng Hoa	10-07-1990	Hồ ng Yên		2NT	7.50	8.75	1.00	17.25	17.50
377	C380	KT	Trần Thanh Hoa	28-08-1989	Hội Đồng ng		2NT	9.00	5.25	1.00	15.25	15.50

TT	SBD	Ngành	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	ĐT	KV	CSN	CN	Điểm cộng	Tổng điểm	Tổng điểm (đã làm tròn)
378	C381	KT	Nguyễn Khắc Hùng	07-09-1987	Hồng Yên		2NT	9.50	4.25	1.00	14.75	15.00
379	C382	KT	Nguyễn Thị Huyền	10-10-1989	Hải Phòng		2NT		Không đủ thi			
380	C383	KT	Bùi Thị Lan Hồng	24-05-1989	Hải Phòng		2		Không đủ thi			
381	C384	KT	Nguyễn Thị Hồng	19-09-1989	Hải Phòng		2NT	9.50	5.25	1.00	15.75	16.00
382	C385	KT	Phạm Thu Hồng	13-11-1990	Hải Phòng		2NT		Không đủ thi			
383	C386	KT	Vũ Thị Hồng	06-08-1990	Hồng Yên		2NT		Không đủ thi			
384	C387	KT	Đông Thị Hồng	21-07-1989	Hải Phòng		2NT	7.00	4.00	1.00	12.00	12.00
385	C388	KT	Lê Thị Hồng	20-07-1990	Hà Nam		2NT	9.00	5.50	1.00	15.50	15.50
386	C389	KT	Mai Thị Khuyên	21-01-1989	Hải Phòng		2NT	7.00	6.25	1.00	14.25	14.50
387	C390	KT	Trần Thị Khuyên	10-11-1988	Hồng Yên		2	8.00	3.00	0.50	11.50	11.50
388	C391	KT	Lê Thị L	22-10-1990	Hải Phòng		2		Không đủ thi			
389	C392	KT	Nguyễn Thị Liên	12-09-1989	Nghệ An	06	2NT		Không đủ thi			
390	C393	KT	Trần Thị Liên	07-09-1989	Ninh Bình		2NT	9.50	8.25	1.00	18.75	19.00
391	C394	KT	Phạm Thị Luân	27-10-1990	Bắc Ninh		2NT	9.00	8.75	1.00	18.75	19.00
392	C395	KT	Nguyễn Thị L	06-02-1985	Hải Phòng		2NT		Không đủ thi			
393	C396	KT	Nguyễn Thị Ly	11-04-1990	Hải Phòng		2NT		Không đủ thi			
394	C397	KT	Đào Thị Mai	03-09-1990	Hồng Yên		2NT	9.50	8.25	1.00	18.75	19.00
395	C398	KT	Nguyễn Thị Mai	17-07-1990	Hồng Yên		2NT	8.75	8.00	1.00	17.75	18.00
396	C399	KT	Trần Thị May	01-02-1989	Hồng Yên		2NT	7.00	5.25	1.00	13.25	13.50
397	C400	KT	Lê Thị M	12-11-1990	Hải Phòng		2NT		Không đủ thi			
398	C401	KT	L	03-04-1990	Bắc Giang		2	8.50	3.75	0.50	12.75	13.00
399	C402	KT	Thân Thị Ngân	18-04-1988	Bắc Giang		1	7.00	7.00	1.50	15.50	15.50
400	C403	KT	Hoàng Thị Ngọc	13-03-1988	Hải Phòng		2NT		Không đủ thi			
401	C404	KT	Nguyễn Hải Ngọc	21-08-1989	Hải Phòng	01	1		Không đủ thi			
402	C405	KT	Tiêu Thị Bích Ngọc	28-05-1990	Hải Phòng		2NT		Không đủ thi			
403	C406	KT	Trần Thị Ngọc	08-09-1989	Hồng Yên		2NT		Không đủ thi			
404	C407	KT	Nguyễn Thị Thanh Nhân	15-10-1990	Hồng Yên		2NT		Không đủ thi			
405	C408	KT	Vũ Thị Nhân	07-12-1986	Hồng Yên		2NT	6.50	3.75	1.00	11.25	11.50
406	C409	KT	Lê Thị Nhung	15-10-1989	Hồng Yên		2NT		Không đủ thi			
407	C410	KT	L	22-10-1990	Hồng Yên		2NT		Không đủ thi			
408	C411	KT	Nguyễn Thị Nhung	08-11-1988	Hà Nội		2NT		Không đủ thi			
409	C412	KT	Vũ Thị Hồng Nhung	10-07-1989	Hồng Yên		2		Không đủ thi			
410	C413	KT	Trần Thị Oanh	27-09-1989	Thái Bình		2NT		Không đủ thi			
411	C414	KT	M	28-05-1985	Hải Phòng		2NT		Không đủ thi			
412	C415	KT	Nguyễn Thị Ph	07-07-1990	Nam Định		2NT		Không đủ thi			
413	C416	KT	Trần Thị Ph	13-09-1990	Vĩnh Phúc		2NT	8.75	6.25	1.00	16.00	16.00
414	C417	KT	Lưu Thị Qu	23-11-1982	Hồng Yên		2NT	8.50	6.00	1.00	15.50	15.50

TT	SBD	Ngành	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	ĐT	KV	CSN	CN	Điểm cộng	Tổng điểm	Tổng điểm (đã làm tròn)
415	C418	KT	Bùi Văn Quyên	27-02-1989	Hà Nội		2NT	9.00	5.50	1.00	15.50	15.50
416	C419	KT	Bùi Thị Quyên	25-06-1983	Hải Phòng		2NT		Không đủ thi			
417	C420	KT	Bùi Thị Sy	22-12-1990	Thái Bình		2NT	5.75	3.75	1.00	10.50	10.50
418	C421	KT	Nguyễn Thị Thi	15-08-1988	Nam Định		2NT	9.75	5.50	1.00	16.25	16.50
419	C422	KT	Nguyễn Thị Thùy	20-07-1988	Hồng Yên		2NT	8.75	6.00	1.00	15.75	16.00
420	C423	KT	Nguyễn Thị Bích Thùy	03-10-1989	Thái Nguyên		2		Không đủ thi			
421	C424	KT	Nguyễn Sơn Thủy	14-04-1990	Hồng Yên		2NT		Không đủ thi			
422	C425	KT	Trần Thị Thủy	10-04-1989	Hồng Yên		2NT		Không đủ thi			
423	C426	KT	Vũ Thị Thủy	27-07-1987	Hải Phòng		2		Không đủ thi			
424	C427	KT	Ngô Thị Thúy	10-10-1989	Hồng Yên		2NT		Không đủ thi			
425	C428	KT	Trần Thị Thúy	20-02-1990	Bắc Ninh		2	9.25	7.75	0.50	17.50	17.50
426	C429	KT	Nguyễn Thị Thị Dung	27-03-1987	Hải Phòng		2NT		Không đủ thi			
427	C430	KT	Lê Văn Tiến	02-12-1979	Thanh Hóa		1		Không đủ thi			
428	C431	KT	Nguyễn Văn Tùng	26-08-1987	Hồng Yên		2NT	3.00	2.00	1.00	6.00	6.00
429	C432	KT	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	13-02-1990	Hồng Yên		2NT	8.50	5.00	1.00	14.50	14.50
430	C433	KT	Nguyễn Thị Tú Uyên	11-11-1990	Hồng Yên		2NT	8.25	6.50	1.00	15.75	16.00
431	C434	KT	Nguyễn Thị Vân	08-04-1989	Hồng Yên		2NT	8.25	5.25	1.00	14.50	14.50
432	C435	KT	Nguyễn Thị Vân	30-09-1990	Hải Phòng		2NT	9.50	6.00	1.00	16.50	16.50
433	C436	KT	Đào Thị Xoan	22-06-1989	Hồng Yên		2NT	9.50	5.00	1.00	15.50	15.50
434	C437	KT	Lương Thị Hải Yến	26-05-1990	Hồng Yên		2NT	8.25	4.75	1.00	14.00	14.00

Hồng Yên, ngày 03 tháng 11 năm 2011

HIỆU TRƯỞNG

NGƯỜI VÀO ĐỀ M

THI ĐỀ NG

CTHI ĐỀ NG TUYỂN SINH

Nguyễn Thanh Tùng

ThS. Nguyễn Quốc Thịnh

PGS. TS. Trần Trung

Nguyễn Thị Thanh Thúy